

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước số 07 ngày 14 tháng 05 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 551.../TTr-PTNMT ngày 22.5.../2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước, địa chỉ tại số 3 VSIP II-A, đường Số 31, KCN Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy chế biến cà phê xuất khẩu Intimex Mỹ Phước (cơ sở 2)” với công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Nhà máy chế biến cà phê xuất khẩu Intimex Mỹ Phước (cơ sở 2)” với công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm”

1.2. Địa điểm hoạt động: số 3 VSIP II-A, đường Số 31, KCN Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3701817839 do Phòng đăng ký doanh nghiệp – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 20/12/2010 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24/05/2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5208246423 do Ban Quản lý các KCN Bình Dương cấp lần đầu ngày

17/04/2017, cấp chứng nhận điều chỉnh lần thứ 4 ngày 01/11/2021.

1.4. Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 668/GXN-BQL ngày 01/06/2017 do Ban Quản lý KCN Việt Nam – Singapore cấp.

1.5. Mã số thuế: 3701817839

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thực hiện lưu chứa và sơ chế hạt cà phê (không làm thay đổi bản chất sản phẩm, quá trình sơ chế chỉ làm sạch, phân loại, đóng gói)

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của cơ sở: 20.250m² (Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước hoạt động trên cơ sở thuê quyền sử dụng đất của Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore).

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: chế biến hạt cà phê là 30.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình, công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu hạt cà phê nhân → Sàng tách tạp chất (rác) → Sàng tách sắt → Sàng tách đá → Xay bóc vỏ (có thể thực hiện hoặc không) → Phân loại theo kích thước → Phân loại theo trọng lượng → Phân loại theo màu sắc → Đánh bóng (có thể thực hiện hoặc không) → Hệ thống cân và đóng gói → Lưu kho → Xuất kho (Máy thổi hàng → Xe container đã được lót bao → Xuất kho).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; Có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; Quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 21... tháng 5 năm 2025 đến ngày 21... tháng 5 năm 2035).

Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 668/GXN-BQL ngày 01/06/2017 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố, UBND phường Vĩnh Tân tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Công ty Cổ phần Intimex Mỹ Phước (cơ sở 2);
- Cổng Thông tin điện tử của UBNDTP;
- Lưu: VT. Đức.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Nguyên

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54./GPMT-UBND ngày 23 tháng 5... năm 2025 của UBND thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A tại 1 điểm trên đường số 31, có toạ độ $X(m) = 233435$, $Y(m) = 604389$, không xả thải trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, âu tiểu từ nhà vệ sinh
- Nguồn 02: Nước thải sinh hoạt từ chậu rửa mặt, nước rửa tay chân
- Nguồn 03: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn

* Mạng lưới thu gom nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Hồ ga thoát nước thải cuối tuyến của cơ sở có nắp đập được đặt bên trong hàng rào Công ty và có gắn biển báo “Điểm thoát nước thải”

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn (04 bể với tổng thể tích $49,5 \text{ m}^3$), nước thải phát sinh từ nhà ăn sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ (01 bể với thể tích $0,63 \text{ m}^3$) được thu gom bằng hệ thống ống uPVC Ø 60mm, uPVC Ø 90mm, uPVC Ø 114mm, uPVC Ø 200mm, đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt (sau 04 bể tự hoại, tổng thể tích $49,5 \text{ m}^3$) → Hệ thống thoát nước thải của KCN → Hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A.

+ Nước thải nhà ăn (sau 01 bể tách dầu mỡ với thể tích $0,63 \text{ m}^3$) → Hệ thống thoát nước thải của KCN → Hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố: không có

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom bùn thải định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A và phải ngừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Thỏa thuận bằng văn bản với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A về việc đầu nối nước thải sau xử lý của cơ sở về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A

đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp.

3.5. Thực hiện đúng quy định tại điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54./GPMТ-UBND ngày 27.tháng 5. năm 2025 của UBND thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ máy sàng tạp chất số 1
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ máy sàng tạp chất số 2
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ máy sàng kích thước số 1
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ máy sàng kích thước số 2
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ máy sàng trọng lượng cà 13 số 1
- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ máy sàng trọng lượng cà 13 số 2
- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ máy sàng trọng lượng cà 16 số 1
- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ máy sàng trọng lượng cà 16 số 2
- Nguồn số 09: Bụi phát sinh từ máy sàng trọng lượng cà 18 số 1
- Nguồn số 10: Bụi phát sinh từ máy sàng trọng lượng cà 18 số 2
- Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ lò sấy (tại lò sấy)

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

TT	Dòng khí thải	Vị trí xả khí thải	Toạ độ (Hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3 ⁰)	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 1 (gồm nguồn thải số 05 – 10)	Ống thải số 01 của hệ thống lọc bụi mịn công đoạn sàng	1233339	604417
2	Dòng khí thải số 2 (nguồn thải số 11)	Ống thải số 02 của lò sấy	1233339	604478

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 13.000m³/giờ.
- Dòng thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải từ số 01: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn 08 giờ/ngày.

- Dòng khí thải từ số 02: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn khi có hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 0,8$; $k_v = 1$); (QCVN 19:2024/BTNMT áp dụng từ ngày 01/01/2032) cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Đối với nguồn thải số 01				Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
II	Đối với nguồn thải số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500		
4	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.000		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn thải số 01: Bụi phát sinh từ hệ thống máy sàng ở công đoạn sàng được thu gom bằng chụp hút dẫn qua thiết bị thu bụi túi vải bằng quạt hút có công suất 13.000 m³/h và dòng khí sạch thoát tự nhiên qua bề mặt túi vải ra môi trường bên ngoài.

- Nguồn thải số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò sấy được thu gom qua cyclon khô dẫn qua theo ống thải Ø250mm, cao 9m thoát ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình/thiết bị thu bụi phát sinh từ dòng thải số 01

- Số lượng thiết bị: 06 chụp hút, 45 túi vải, 01 thiết bị
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh → Chụp hút/Ống hút → Hệ thống ống dẫn → Thiết bị thu bụi Cartridge → Quạt hút → Ống thải.
- Công suất thiết kế: máy hút bụi công suất 13.00 m³/h
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cartridge lọc bụi

1.2.2. Công trình/thiết bị thu bụi phát sinh từ dòng thải số 02

- Số lượng thiết bị: 1 thiết bị
- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống dẫn → Hệ thống ống dẫn → Cyclon khô → ống thải.
- Công suất thiết kế: 12.000 m³/h
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo bụi thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý bụi thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động để thay thế, sửa chữa hoặc các trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để giảm tải hoặc dừng hoạt động của các tổ máy để kiểm tra, khắc phục.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra toàn bộ hệ thống để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý khí thải công đoạn sàng và hệ thống xử lý khí thải lò sấy

- Thời gian bắt đầu: 30 ngày sau khi cấp Giấy phép môi trường
- Thời gian kết thúc: 30 ngày tính từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

TT	Vị trí xả khí thải	Toạ độ (Hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
1	Ống thải số 01 của hệ thống thu gom xử lý bụi công đoạn sàng	1233339	604417
2	Ống thải số 02 của lò sấy	1233339	604478

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.2.2. Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian lấy mẫu: 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.
- Loại mẫu: Mẫu đơn (03 mẫu đầu ra) của hệ thống xử lý bụi.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 03 mẫu đầu ra tại ống thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54../GPMT-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Tân Uyên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy sàng tại khu vực sàng phân loại

- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung từ hoạt động lò sấy

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1233339; Y = 604417

- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1233342; Y = 604419

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ
MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54./GPMT-UBND ngày 27. tháng.5. năm 2025
của UBND thành phố Tân Uyên).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại	Khối lượng	
					(kg/năm)	Cái/năm
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	10	-
2	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	NH	13	-
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	NH	480	-
4	Thùng, can đựng dầu nhớt thải	Rắn	18 01 03	KS	126	-
5	Giẻ lau bao tay dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	KS	12	-
Tổng khối lượng					641	-

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh :

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bụi thu được từ hệ thống xử lý bụi công đoạn sàng phân loại	Rắn		1.500	TT
2	Dây nylon, bao bì đựng nguyên liệu	Rắn		172.000	TT
3	Phế liệu thu được từ quá trình phân loại	Rắn		1.326.500	TT-R
4	Hộp mực in, photo thải	Rắn	08 02 04	5	KS
Tổng khối lượng				1.500.005	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên:

TT	Tên Chất thải	Số lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	3.900
Tổng khối lượng		3.900

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thiết bị lưu chứa: 06 thùng chứa 200 lít
- Tất cả các thùng lưu chứa CTNH là loại chuyên dụng, đảm bảo không rò rỉ, các thùng đều có nắp đậy, có dán nhãn ghi tên từng loại chất thải và biển báo nguy hiểm tùy tính chất của chất thải.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 08 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Nhà chứa đặt ở khu vực cao ráo, nền bê tông có lót lớp cát mịn, có gờ chống tràn thải ra ngoài để phòng trường hợp xảy ra sự cố tràn đổ chất thải đang lưu chứa trong nhà chứa, có mái che, có cửa khóa và có biển báo ghi rõ Khu vực lưu chứa CTNH và các biển báo nguy hiểm phù hợp với các loại chất thải đang lưu trữ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì PE

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa: 90 m²
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Cấu tạo kết cấu nền bê tông, có mái che, có biển báo ghi rõ tên khu vực lưu chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 06 thùng chứa chuyên dụng loại 200 lít, có nắp đậy

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: không có

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022./.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 54../GPMT-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Tân Uyên)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Hồ ga tiếp nhận nước thải của cơ sở trước khi đầu nối vào công thoát nước của Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A có nắp đậy để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước thải khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga được đặt bên ngoài nhà xưởng, tại vị trí hồ ga tiếp nhận nước thải của cơ sở được xây dựng hờ, có song sắt để giám sát) và có gắn biển báo “Điểm thoát nước thải”
3. Hồ ga thoát nước mưa cuối cùng của cơ sở trước khi đầu nối vào công thoát nước của Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II-A được bố trí hờ (có lưới bảo vệ an toàn) để cơ quan quản lý môi trường giám sát nước mưa trước khi thải ra môi trường. Vị trí hồ ga đầu nối của cơ sở trên đường và có gắn biển báo “Điểm thoát nước mưa”
4. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
9. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.
10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự

cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.